CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN, CÂY XANH HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán từ ngày 25/8/2016 đến ngày 31/12/2016

Signature Not Verified
Ký bởi: Công Ty Cổ Phần Công Viên, Cây Xanh Hải Phòng
Ký ngày: 19/5/2017 14:59:59

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN, CÂY XANH HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán từ ngày 25/8/2016 đến ngày 31/12/2016

Tháng 4 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công viên, Cây xanh Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 25/8/2016 đến ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Khắc Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuân	Thành viên
Ông Phạm Quang Sỹ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Thành viên
Ông Phạm Kiến Phong	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Tuân	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Thúy Mai	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 25/8/2016 đến ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Lê Văn Tuân
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2017

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-4) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-4) 6278 2905

Số: 71/2017/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Công viên, Cây xanh Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công viên, Cây xanh Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08/4/2017, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 25/8/2016 đến ngày 31/12/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công viên, Cây xanh Hải Phòng tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành viên độc lập của GMN International gmn international

Vấn đề khác

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Công ty chưa nhận được Biên bản bàn giao tài sản, vốn sang công ty cổ phần đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu tại ngày 25/8/2016 có thể sẽ thay đổi sau khi có Biên bản bàn giao tài sản, vốn sang công ty cổ phần được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT

Tạ Thị Việt Phương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1445-2015-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2017

Nguyễn Thu Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2986-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	25/8/2016
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**9.601.172.699**	**10.812.737.759**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**8.636.696.921**	**9.183.879.446**
1. Tiền	111	5	8.636.696.921	9.183.879.446
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**274.624.272**	**614.118.908**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	43.490.000	258.762.400
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		126.607.000	117.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	104.527.272	238.356.508
III- Hàng tồn kho	**140**		**272.150.550**	**912.060.405**
1. Hàng tồn kho	141	8	272.150.550	912.060.405
IV- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**417.700.956**	**102.679.000**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.1	417.700.956	102.679.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5.250.160.873**	**5.455.215.324**
I- Tài sản cố định	**220**		**2.935.679.082**	**3.150.571.922**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.935.679.082	3.150.571.922
- *Nguyên giá*	*222*		*9.156.535.068*	*9.156.535.068*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(6.220.855.986)*	*(6.005.963.146)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- *Nguyên giá*	*228*		*150.080.000*	*150.080.000*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(150.080.000)*	*(150.080.000)*
II- Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.680.633.066**	**1.605.633.066**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.680.633.066	1.605.633.066
III- Tài sản dài hạn khác	**260**		**633.848.725**	**699.010.336**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.2	633.848.725	699.010.336
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**14.851.333.572**	**16.267.953.083**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	25/8/2016
C- NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.864.713.812**	**4.732.487.453**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**2.864.713.812**	**4.732.487.453**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	924.709.945	681.546.286
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.000.000	20.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	372.299.439	282.329.396
4. Phải trả người lao động	314		69.702.400	652.631.800
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	154.158.873	1.608.850.316
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.323.843.155	1.487.129.655
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**11.986.619.760**	**11.535.465.630**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**		**12.973.112.130**	**12.800.000.000**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	12.800.000.000	12.800.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16	173.112.130	-
- *LNST chưa phân phối kỳ này*			*173.112.130*	-
II- Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		**(986.492.370)**	**(1.264.534.370)**
1. Nguồn kinh phí	431	17	(986.492.370)	(1.264.534.370)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**14.851.333.572**	**16.267.953.083**

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Minh Thu	Phạm Quang Sỹ	Lê Văn Tuân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 25/8/2016 đến ngày 31/12/2016

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**18**	**13.659.207.635**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	**18**	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**	**18**	**13.659.207.635**
4.	Giá vốn hàng bán	11	**19**	11.679.115.745
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**1.980.091.890**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	**20**	6.877.202
7.	Chi phí tài chính	22		-
-	*Trong đó: chi phí lãi vay*	*23*		-
8.	Chi phí bán hàng	25		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	**21**	1.729.644.385
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**257.324.707**
11.	Thu nhập khác	31		-
12.	Chi phí khác	32	**22**	32.747.636
13.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**(32.747.636)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**224.577.071**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	**24**	51.464.941
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**173.112.130**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**25**	**135**

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Minh Thu	Phạm Quang Sỹ	Lê Văn Tuân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 25/8/2016 đến ngày 31/12/2016

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		*224.577.071*
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	10, 11	214.892.840
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	20	(6.877.202)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		*432.592.709*
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		328.448.350
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		639.909.855
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.621.521.941)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(249.860.345)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(123.383.855)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		278.042.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(163.286.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*(479.059.727)*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(75.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20	6.877.202
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*(68.122.798)*
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(547.182.525)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5**	**9.183.879.446**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	**70**	**5**	**8.636.696.921**

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Minh Thu	Phạm Quang Sỹ	Lê Văn Tuân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Công viên, Cây xanh Hải Phòng, trụ sở đặt tại số 53 Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, được thành lập theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 về việc cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0201093967 ngày 07/9/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 12.800.000.000 VND, mệnh giá cổ phần 10.000 VND/cổ phiếu.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: dịch vụ.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

1.4 Ngành nghề kinh doanh:

- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan: trồng cây, chăm sóc và duy trì công viên, vườn hoa và các khu công cộng khác; tư vấn thiết kế, khảo sát lập dự toán và giám sát thi công các công viên thuộc lĩnh vực công viên, cây xanh (trừ tư vấn thiết kế, khảo sát, lập dự toán và giám sát công trình xây dựng);
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây xanh bóng mát;
- Ươm giống cây lâm nghiệp;
- Bán buôn hoa và cây; Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn phân bón; Sản xuất các loại đất màu;
- Sản xuất các loại chậu, lọ gốm sứ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;
- Bán buôn hoa lụa, hoa nghệ thuật; Bán buôn xi măng;
- Bán buôn bàn ghế gỗ; Bán buôn bàn, ghế đá granito;
- Xây dựng công trình công viên, cây xanh;
- Hoạt động chế tác non bộ, tiểu cảnh; Nuôi cá cảnh; Nuôi chim cảnh;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, hướng dẫn quy trình kỹ thuật chăm sóc bảo dưỡng hệ thống công viên cây xanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ trông coi các phương tiện giao thông đường bộ.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc của doanh nghiệp: Công ty không có các đơn vị trực thuộc, không có công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1.7 **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 25/8/2016 đến ngày 31/12/2016 không so sánh được kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cũng như một số thuyết minh do Công ty không lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 25/8/2015 đến ngày 31/12/2015. Bên cạnh đó, số liệu so sánh tại ngày 25/8/2016 trên bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 24/8/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hải Phòng, được điều chỉnh theo Biên bản Thẩm tra báo cáo tài chính giai đoạn chuyển đổi doanh nghiệp (từ 01/01/2015 đến 24/8/2016) của Sở Tài chính và Quyết định số 4652/QĐ-CT ngày 19/10/2016 của Cục thuế Hải Phòng về việc xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0201093967 ngày 07/9/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp thì ngày chuyển đổi là ngày 24/8/2016, do đó, kỳ kế toán từ ngày 25/8/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ kế toán đầu tiên của công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu về phí thẩm định, phải thu về tạm ứng vốn phục vụ lập quy hoạch và

chi phí phục vụ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng công trình trồng cây xanh cách ly khu vực nhà thép Cửu Long.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo từng công trình đang thực hiện và chưa được quyết toán, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung xác định cho từng công việc nêu trên.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng giá trị còn lại chia (:) cho thời gian sử dụng còn lại sau khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 09
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	02 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

4.6 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý cây xanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm bắt đầu từ năm 2013, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tại 31/12/2016, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các chi phí khảo sát, đo đạc, thiết kế, lập bản vẽ vườn ươm Anh Dũng và chi phí thi công đường nội bộ phục vụ sản xuất tại vườn ươm Anh Dũng chưa hoàn thành.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: giá trị đánh giá lại của các các công cụ, dụng cụ đã phân bổ hết trước khi xác định giá trị doanh nghiệp; giá trị lợi thế kinh doanh được xác định khi xác định giá trị doanh nghiệp; chi phí sửa chữa văn phòng công ty; chi phí lắp đặt hệ thống cấp nước vườn Anh Dũng và công cụ, dụng cụ xuất dùng trong kỳ.

Giá trị đánh giá lại của các công cụ dụng cụ đã phân bổ hết trước khi xác định giá trị doanh nghiệp sẽ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 tháng.

Giá trị lợi thế kinh doanh sẽ được thực hiện phân bổ dần kết quả hoạt động kinh doanh kể từ khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 tháng.

Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty được phân bổ trong vòng 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Chi phí lắp đặt hệ thống cấp nước vườn Anh Dũng được phân bổ trong vòng 24 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng là giá trị chậu hoa xuất dùng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo từng lần phát sinh, mỗi chậu hoa được phân bổ cho 05 lần sử dụng.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: kinh phí công đoàn; phải trả về cổ phần hóa; tiền đặt cọc hợp đồng cho thuê các quán hoa An Biên; tiền lắp đặt hệ thống cấp nước đường Lê Hồng Phong và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

4.11 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, cước điện thoại...); chi phí bằng tiền khác.

4.14 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 28.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

5. TIỀN

	31/12/2016 VND	25/8/2016 VND
Tiền mặt	1.438.977.365	1.584.647.659
Tiền gửi ngân hàng	7.197.719.556	7.599.231.787
Cộng	**8.636.696.921**	**9.183.879.446**

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	25/8/2016 VND
Ngắn hạn	**43.490.000**	**258.762.400**
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	43.490.000	258.762.400
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5 Hải Phòng	*43.490.000*	*43.490.000*
Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	-	*215.272.400*
Các khoản phải thu khách hàng khác	-	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016 VND		25/8/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**104.527.272**	-	**238.356.508**	-
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	131.166.736	-
Quy hoạch, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án trồng cây nhà máy thép Cửu Long	100.000.000	-	100.000.000	-
Phí thẩm định	4.527.272	-	4.527.272	-
Bảo hiểm xã hội của CBCNV tự nộp	-	-	2.662.500	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016 VND		25/8/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	91.105.950	-	116.265.500	-
Công cụ, dụng cụ	181.044.600	-	141.728.600	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	654.066.305	-
Cộng	**272.150.550**	-	**912.060.405**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	25/8/2016 VND
9.1 Ngắn hạn	**417.700.956**	**102.679.000**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	137.578.334	102.679.000
Chi phí sửa chữa văn phòng công ty	280.122.622	-
9.2 Dài hạn	**633.848.725**	**699.010.336**
Giá trị tài sản, công cụ đã phân bổ vào chi phí được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp	71.957.478	78.499.067
Lợi thế kinh doanh	530.860.247	579.120.269
Chi phí lắp đặt hệ thống cấp nước vườn Anh Dũng	31.031.000	41.391.000

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 25/8/2016	**6.072.760.773**	**3.007.414.295**	**76.360.000**	**9.156.535.068**
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	**6.072.760.773**	**3.007.414.295**	**76.360.000**	**9.156.535.068**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 25/8/2016	**3.745.305.322**	**2.216.114.491**	**44.543.333**	**6.005.963.146**
Tăng trong kỳ	**115.850.156**	**95.507.500**	**3.535.184**	**214.892.840**
Khấu hao trong kỳ	115.850.156	95.507.500	3.535.184	214.892.840
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	**3.861.155.478**	**2.311.621.991**	**48.078.517**	**6.220.855.986**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 25/8/2016	**2.327.455.451**	**791.299.804**	**31.816.667**	**3.150.571.922**
Tại ngày 31/12/2016	**2.211.605.295**	**695.792.304**	**28.281.483**	**2.935.679.082**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Phần mềm quản lý cây xanh	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại ngày 25/8/2016	**150.080.000**	**150.080.000**	-
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	**150.080.000**	**150.080.000**	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại 31/12/2016 là 150.080.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND
Tại ngày 25 tháng 8	**1.605.633.066**
Tăng trong kỳ	75.000.000
Kết chuyển giảm khác	-
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	**1.680.633.066**

(*) Bao gồm:

	31/12/2016 VND	25/8/2016 VND
Chi phí thi công đường nội bộ phục vụ sản xuất tại vườn ươm Anh Dũng	1.605.633.066	1.605.633.066
Chi phí thi công đường nội bộ phục vụ sản xuất tại vườn ươm Anh Dũng	75.000.000	-
Cộng	**1.680.633.066**	**1.605.633.066**

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016 VND	25/8/2016 VND
Ngắn hạn	**924.709.945**	**681.546.286**
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	633.955.000	633.955.000
Công ty cổ phần Xây dựng Ngô Quyền	*633.955.000*	*633.955.000*
Phải trả cho các đối tượng khác	290.754.945	47.591.286

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	25/8/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	161.730.222	323.619.179	161.730.222	323.619.179
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.599.174	51.464.941	123.383.855	48.680.260
Các khoản thuế khác	-	32.747.636	32.747.636	-
Cộng	**282.329.396**	**407.831.756**	**317.861.713**	**372.299.439**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016 VND	25/8/2016 VND
Ngắn hạn	**154.158.873**	**1.608.850.316**
Kinh phí công đoàn	91.678.100	117.119.400
Phải trả về cổ phần hóa	333.264	1.429.583.407
Bảo lãnh hợp đồng	37.000.000	37.000.000
Lắp đặt hệ thống cấp nước đường Lê Hồng Phong	17.160.909	17.160.909
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.986.600	7.986.600

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 25/8/2016	12.800.000.000	-
Tăng trong kỳ	-	173.112.130
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 31/12/2016	**12.800.000.000**	**173.112.130**

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	**Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND**
Tại ngày 25/8	**12.800.000.000**
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Tại ngày 31/12	**12.800.000.000**

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND**
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 25/8	-
Tăng trong kỳ	**173.112.130**
Lợi nhuận trong kỳ	173.112.130
Giảm trong kỳ	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12	**173.112.130**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.280.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.280.000
Cổ phiếu phổ thông	*1.280.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.280.000
Cổ phiếu phổ thông	*1.280.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000

17. NGUỒN KINH PHÍ

	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND
Tại 25/8/2016	(1.264.534.370)
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	13.842.342.000
Chi sự nghiệp	13.564.300.000
Tại 31/12/2016	**(986.492.370)**

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**13.659.207.635**
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.659.207.635
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**13.659.207.635**

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.679.115.745
Cộng	**11.679.115.745**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi	6.877.202
Cộng	**6.877.202**

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	1.353.913.981
Chi phí nhân viên quản lý	*1.125.931.614*
Chi phí vật tư	*227.982.367*
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	375.730.404
Cộng	**1.729.644.385**

22. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND
Phạt chậm nộp thuế	32.747.636
Cộng	**32.747.636**

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	332.271.307
Chi phí nhân công	6.840.376.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	214.892.840
Chi phí khác	5.367.153.420
Cộng	**12.754.693.825**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	**224.577.071**
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	**32.747.636**
Phạt chậm nộp thuế	32.747.636
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4) = (1)+(2)-(3)	**257.324.707**
Thuế suất thuế TNDN (5)	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6) = (4)*(5)	**51.464.941**

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	173.112.130
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	**173.112.130**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	1.280.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	**135**

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

26. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán tại ngày 31/12/2016 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 25/8/2016 đến ngày 31/12/2016.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

	Giá trị ghi sổ 31/12/2016 VND	Giá trị ghi sổ 25/8/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.636.696.921	9.183.879.446
Phải thu của khách hàng	43.490.000	258.762.400
Phải thu khác	104.527.272	235.694.008
Cộng	**8.784.714.193**	**9.678.335.854**
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	924.709.945	681.546.286
Phải trả khác	62.480.773	1.491.730.916
Cộng	**987.190.718**	**2.173.277.202**

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

- **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ:* Giao dịch của Công ty chủ yếu bằng VND nên Công ty không chịu rủi ro tiền tệ.

- *Rủi ro lãi suất:* Công ty không có các khoản vay nào tại 31/12/2016 nên không chịu rủi ro về lãi suất.

- **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại 31/12/2016		
Phải trả người bán	924.709.945	-
Phải trả khác	62.480.773	-
Cộng	**987.190.718**	**-**
Tại 25/8/2016		
Phải trả người bán	681.546.286	-
Phải trả khác	1.491.730.916	-
Cộng	**2.173.277.202**	**-**

- **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ 25/8/2016 đến 31/12/2016 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	**274.020.400**
Lương, thưởng	274.020.400

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty không lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 25/8/2015 đến ngày 31/12/2015 nên không có số liệu so sánh tương ứng.

Số liệu so sánh tại ngày 25/8/2016 trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 24/8/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hải Phòng, được điều chỉnh theo Biên bản thẩm tra báo cáo tài chính giai đoạn chuyển đổi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

doanh nghiệp (từ ngày 01/01/2015 đến 24/8/2016) ngày 19/12/2016 của Sở Tài chính và Quyết định số 4652/QĐ-CT ngày 19/10/2016 của Cục Thuế Hải Phòng về việc xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật. Cụ thể:

Bảng cân đối kế toán	24/8/2016 sau kiểm toán	25/8/2016 điều chỉnh lại	Chênh lệch
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.489.269.430	1.605.633.066	116.363.636
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	168.750.441	282.329.396	113.578.955
- Thuế GTGT đầu ra	*45.366.586*	*161.730.222*	*116.363.636*
- Thuế TNDN	*123.383.855*	*120.599.174*	*(2.784.681)*
Phải trả ngắn hạn khác	1.594.926.909	1.608.850.316	13.923.407
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.498.268.381	1.487.129.655	(11.138.726)

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Minh Thu	Phạm Quang Sỹ	Lê Văn Tuân

Partnering for **Success**

ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH:

Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

E anviet@anvietcpa.com
T (84-4) 6278 2904
F (84-4) 6278 2905

Tầng 9, tòa nhà AC ngõ 78 Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

E anviet.hn@anvietcpa.com
T (84-4) 3795 8705
F (84-4) 3795 8677

Tầng 7, tòa nhà Hải Quân số 5 Lý Tự Trọng
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

E anviet.hp@anvietcpa.com
T (84-31) 3842 430
F (84-31) 3842 433

